TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 63/2026/DS-PT Ngày: 23/01/2026 V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải.

Bà Trần Thị Thanh Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 23 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (Nay là Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ) bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 823/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Lô B -25 T thương mại huyện V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ. (Nay là xã V, thành phố Cần Thơ).

Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số B đường V, phường C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện uỷ quyền: Bà **Võ Thị Mỹ D1**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số D, đường C, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Ngọc D2**, sinh năm 1974

Địa chỉ: G - 02, đường N, phường G, tỉnh An Giang.

3.2. Ông **Đoàn Trung K**, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu vực Q, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn như sau:* Do là chỗ quen biết với nhau nên ông Trần Văn Đ (tên gọi là D3) đã thoả thuận vay tiền của nguyên đơn số tiền là 550.000.000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và cam kết sẽ trả hết nợ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tiền. Ông Đ nói rằng sẽ dùng khoản tiền nợ vay này để thanh toán tiền nợ Ngân hàng và giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình. Từ đó, dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được xoá thế chấp để thế chấp vay tiền để mua đất lại của ông D. Ngày 27/9/2021 ông D đã chuyển khoản cho ông Đ với số tiền là 550.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP X vào số tài khoản 070088443320 (chủ tài khoản Trần Văn Đ, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh L, An Giang). Ông Duy thực H lệnh chi tiền tại Ngân hàng TMCP X – Phòng G. Sau đó, ông đã nhiều lần gặp ông Đ và yêu cầu ông Đ thanh toán toàn bộ số tiền mà ông đã cho ông Đ vay. Sau nhiều lần hứa hẹn thì trong tháng 7/2022, ông Đ đã trả nợ vay cho ông được 02 lần, tổng công là 150.000.000đồng, còn lại 400.000.000đồng thì từ ngày 30/7/2022 đến nay ông Đ không tiếp tục thanh toán cho ông D. Mặc dù, ông D đã nhiều lần liên hệ nhưng ông Đ vẫn né tránh, ông D không thể nào liên lạc được. Nhận thấy, việc làm của ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Do đó, ông D yêu cầu Toà án buộc: Ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay gốc là 400.000.000đồng, lãi chậm trả tính từ ngày 30/7/2022 đến ngày 24/12/2024 là 28 tháng, 24 ngày, mức lãi suất là 10%/năm, tổng số tiền lãi là 95.963.470đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 495.963.470đồng, trong đó gốc là 400.000.000đồng, lãi là 95.963.470đồng.

- *Bị đơn ông Đ trình bày và có đơn yêu cầu phản tố như sau*: Thông qua mối quan hệ quen biết ông Đoàn Trung K, qua nhiều lần trao đổi ông K nói với ông Đ là ông K có một phần đất diện tích 16.222m^2, đất toạ lạc tại Quốc lộ H, thuộc ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ, vị trí rất đẹp, giá hợp lý, ông K báo giá chuyển nhượng là 16 tỷ, vì tin tưởng ông K nên ông Đ đồng ý nhận chuyển nhượng. Ngày 02/9/2021 ông K có gặp ông Đ để dẫn ông Đ đi xem đất, đúng như lời ông K nói, nên ông chốt nhận chuyển nhượng phần đất đó, ông giao tiền cọc cho ông K số tiền 500.000.000đồng, ông K có viết biên nhận và đưa cho ông giữ biên nhận đã nhận của ông số tiền 500.000.000đồng, hai bên cam kết đến ngày 12/9/2021 sẽ ký thủ tục công chứng sang tên. Đến hẹn thì ông K nói bận công việc, không đến phòng công chứng được, đến ngày 15/9/2021 ông Đ lại tiếp tục điện thoại cho ông K thì ông K cũng hẹn lại và viện lý do đất

này còn dính với ông D một phần, nên chưa chuyển nhượng được. Mãi không được chuyển nhượng nên ông tự tìm hiểu và biết được phần đất này tranh chấp lu bu, nên ông Đ yêu cầu ông K trả tiền lại, không nhận chuyển nhượng nữa. Đến ngày 27/09/2021 thì ông K kêu ông Đ gửi số tài khoản cho ông để ông chuyển trả lại tiền cho ông Đ tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng đất, cũng trong ngày đó ông đã nhận được số tiền từ 550.000.000đồng, ông có thông tin để ông K biết là đã chuyển dư 50.000.000đồng, vài ngày sau ông K yêu cầu ông chuyển trả lại 50.000.000đồng tiền chuyển dư và mượn ông thêm 50.000.000đồng nữa. ông K đưa số tài khoản của ông D, ngân hàng E, ông đã chuyển cho ông D với nội dung chuyển là "cho anh K mượn". Đến ngày 30/7/2022 thì ông K tiếp tục hỏi mượn ông thêm 50.000.000đồng và yêu cầu ông chuyển vào số tài khoản cũ mà ông K đã gửi cho ông trước đó. Ông tiếp tục chuyển vào số tài khoản do ông K gửi, số tiền 50.000.000đồng, chuyển vào số tài khoản ông D, với nội dung "anh K mượn". từ ngày 04/04/2025 đến nay ông bận công tác nên ông và ông K không có gặp nhau và hai bên cũng không có bất cứ giao dịch nào. "Biên nhận" về việc nhận cọc chuyển nhượng đất thì ông K yêu cầu ông đưa lại cho ông K, khi ông D đã chuyển lại số tiền 550.000.000đồng cho ông, ông K đã xé bỏ biên nhận đó trước sự chứng kiến của ông Đ. Do đó, việc ông D khởi kiện ông là không đúng. Ông yêu cầu phản tố, để yêu cầu Toà án buộc:

1/ Yêu cầu Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D

2/ Buộc Ông Đoàn Trung K phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền ông cho ông K mượn là: 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

3/ Yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải bồi thường danh dự vì đã vu khống làm mất uy tín, danh dự của ông

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Trung K trình bày tại bản tự khai ngày 19/5/2025 như sau: Ông không thừa nhận việc nợ đối với yêu cầu phản tố của ông Đ. Ông chỉ là người giới thiệu ông D để cho ông Đ vay tiền. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Đ thì ông hoàn toàn không đồng ý. Ông không có mối quan hệ nào đặt biết với ông D.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

Buộc ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ vay cho ông Nguyễn Văn D, tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2025 là: 516.666.000đ (năm trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, nợ gốc là: 400.000.000đ, nợ lãi là: 116.666.000 đồng.

Kể từ ngày 01/07/2025 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, lãi suất được áp dụng theo qui định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn Đ, về việc yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì không có cơ sở.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần Văn Đ, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm bồi thường danh dư, nhân phẩm, uy tín. Vì rút lại yêu cầu.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Đ về việc buộc ông Đoàn Trung K phải có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ông Trần Văn Đ có quyền khởi kiện ông Đoàn Trung K bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà D2: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy thông qua giao dịch chuyển khoản số tiền 550.000.000 đồng ngày 27/9/2021 từ tài khoản của ông Nguyễn Văn D, số tài khoản 151710102000109 tại E1 vào tài khoản của ông Trần Văn Đ số tài khoản 070088443320 tại Ngân hàng S Chi nhánh A, số tiền trên được bị đơn thừa nhận và được Ngân hàng E - CN T – P xác nhận tại Công văn số 30/2025/CV/EIB.VT ngày 07/5/2025. Như vậy, có căn cứ cho rằng bị đơn đã nhận của nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng, giữa bị đơn và ông Đoàn Trung K có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không thành, nên ông K đã nhờ nguyên đơn chuyển trả lại tiền cọc cho bị đơn. Tuy nhiên, ông K không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp

được chứng cứ chứng minh có giao dịch chuyển nhượng hoặc nhận cọc như bị đơn trình bày, do đó không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, việc tính lãi của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp vì nguyên đơn không cung cấp được các chứng cứ khác chứng minh các bên có thỏa thuận về thời hạn trả và có thỏa thuận lãi suất. Như vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc nhắc nợ hoặc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ, do đó lãi suất sẽ được tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 25/12/2024. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán lãi từ ngày 30/7/2022 là chưa đúng. Cho thấy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 về lãi là có cơ sở. Từ phân tích trên cho thấy, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và lãi suất nhưng phía bị đơn không đồng ý nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"* là phù hợp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập đối với nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ vay còn lại là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). Vào ngày 27/9/2021 nguyên đơn đã thực hiện lệnh chuyển tiền cho bị đơn số tiền 550.000.000đồng (nguyên đơn cung cấp lệnh chuyển tiền), việc này được Ngân hàng TMCP X xác nhận là đúng. Sau đó, bị đơn chuyển lại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào tài khoản của nguyên đơn và nguyên đơn thừa nhận có nhận trực tiếp từ bị đơn số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Do đó, số tiền gốc bị đơn còn nợ lại nguyên đơn là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận đã nhận được số tiền 550.000.000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) từ nguyên đơn chuyển qua số tài khoản của bị đơn vào ngày 27/9/2021. Bị đơn cho rằng, số tiền 550.000.0000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) là do ông K trước đó nhận tiền cọc là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) để chuyển nhượng đất cho bị đơn nhưng giao dịch giữa các bên bị huỷ bỏ hợp đồng, nên ông K nhờ nguyên

đơn chuyển trả lại số tiền đã nhận cọc cho bị đơn. Do đó, bị đơn không vay tiền của nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn Đ có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đồng thời, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm về phần lãi suất.

[5] Bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý trả tiền vốn 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất 116.666.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) như bản án sơ thẩm đã tuyên. Thấy rằng, ngày 27/9/2021 nguyên đơn đã thực hiện lệnh chuyển tiền cho bị đơn số tiền 550.000.000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và bị đơn cũng xác nhận có nhận số tiền trên chuyển vào tài khoản do bị đơn đứng tên vào ngày 27/9/2021 nhưng bị đơn cho rằng số tiền này là tiền cọc đất ông K trả lại cho bị đơn, ông K nhờ nguyên đơn chuyển khoản trả dùm. Đến ngày 26/4/2022, bị đơn có chuyển lại cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và nguyên đơn xác nhận có nhận số tiền này qua chuyển khoản từ bị đơn. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng có nhận trực tiếp từ bị đơn số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) nhưng bị đơn khẳng định bị đơn không có giao số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn mà bị đơn giao số tiền trên cho ông K. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp các bản photo như giấy đất, văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về các thửa đất của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng việc cung cấp các văn bản này để chứng minh cho lời trình bày của bị đơn về việc giữa bị đơn với ông K có thỏa thuận đặt cọc mua đất, do các bên chấm dứt hợp đồng đặt cọc nên ông K nhờ nguyên đơn trả lại số tiền bị đơn đã đặt cọc. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của bị đơn chứ bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn, do nguyên đơn chuyển dư 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nên bị đơn đã trả trực tiếp lại cho ông K số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và ông K có hỏi mượn của bị đơn số tiền 100.000.000 đồng nên bị đơn đã chuyển vào tài khoản của nguyên đơn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để cho ông K mượn. Xét thấy, các chứng cứ bị đơn cung cấp (giấy tờ đất, văn bản xác nhận thửa đất của nguyên đơn) cũng chỉ xác định nguyên đơn có các thửa đất chứ không chứng minh được giữa ông K và bị đơn có xác lập đặt cọc liên quan đến các thửa đất của nguyên đơn. Mặt khác, bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho số tiền 550.000.0000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn là số tiền đã được cấn trừ vào hợp đồng đặt cọc của ông K trước đó đã nhận tiền cọc bán đất cho bị đơn do hai bên huỷ bỏ hợp đồng, sau đó, ông K nhờ nguyên đơn chuyển trả lại cho bị đơn. Bên cạnh đó, bị đơn cũng cung cấp nội dung đoạn ghi âm cuộc trao đổi giữa bị đơn với ông K, nội dung ghi âm này cũng không chứng minh được có sự liên quan đến việc xác lập hợp đồng đặt cọc cũng như việc ông K nhờ nguyên đơn chuyển tiền vào tài khoản

của bị đơn. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền vốn gốc còn lại 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho nguyên đơn là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở xem xét.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả lãi suất cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ là có cơ sở bởi lẽ, theo Giấy báo chuyển tiền chỉ có nội dung "cho vay" không có bất kỳ nội dung nào ghi nhận hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay, thời hạn trả. Vì vậy, cần xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất được quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định trên, nguyên đơn chỉ được yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 25/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2025 là 6 tháng 05 ngày (làm tròn là 06 tháng) theo mức lãi suất 10%/năm. Như vậy, số tiền lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Tuyên xử: Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Đ.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ) cụ thể như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

Buộc ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả số tiền cho nguyên đơn là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), trong đó tiền vốn là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và lãi suất là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, lãi suất theo qui định Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn Đ.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần Văn Đ, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm bồi thường danh dư, nhân phẩm, uy tín.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Đ về việc buộc ông Đoàn Trung K phải có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ông Trần Văn Đ có quyền khởi kiện ông Đoàn Trung K bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ phải nộp án phí là: 20.800.000đ (hai mươi triệu, tám trăm ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003988, ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Ông Trần Văn Đ phải nộp số tiền: 18.300.000đ (Mười tám triệu ba trăm ngàn đồng). Miễn án phí cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000246 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 4 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tuyết Mai

Các Thẩm phán		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Bích Hải	**Trần Thị Thanh Giang**	**Phan Thị Tuyết Mai**